

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)				Phòng thi: A102				
Môn thi: Kỹ năng đọc		Ca thi: 8h00-9h00			Ngày thi: 23/06/2024			
TT	SBD	Mã sinh viên	Mã đăng nhập	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
1	TA60001	20810230135	SV2022507	Hà Đức	An	26/06/2002		
2	TA60002	20810170308	SV2022508	Hoàng Minh	An	28/04/2002		
3	TA60003	22810820037	SV2022509	Hoàng Minh	Anh	10/02/2004		
4	TA60004	19810310212	SV2022510	Lê Tuấn	Anh	11/09/2001		
5	TA60005	20810720013	SV2022511	Nguyễn Hà Đức	Anh	22/02/2001		
6	TA60006	20810830234	SV2022512	Nguyễn Hải	Anh	15/04/2002		
7	TA60007	19810820047	SV2022513	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	02/02/2000		
8	TA60008	20810000283	SV2022514	Phạm Đức	Anh	07/09/2002		
9	TA60009	20810340255	SV2022515	Phạm Tuấn	Anh	29/06/2002		
10	TA60010	20810810168	SV2022516	Trịnh Phương	Anh	05/03/2002		
11	TA60011	20810830227	SV2022517	Trịnh Thị Quỳnh	Anh	12/10/2002		
12	TA60012	19810510119	SV2022518	Đinh Xuân	Ánh	25/02/2001		
13	TA60013	20810830209	SV2022519	Nguyễn Ngọc	Ánh	05/04/2002		
14	TA60014	19810170136	SV2022520	Hoàng Công	Bảo	17/10/2001		
15	TA60015	ĐVTHS	SV2022521	Nguyễn Hải	Bình	26/10/1975		
16	TA60016	ĐVTHS	SV2022522	Phạm Văn	Chấn	26/10/1994		
17	TA60017	ĐVTHS	SV2022523	Dương Thành	Công	01/06/1981		
18	TA60018	ĐVTHS	SV2022524	Nghiêm Đức	Đạt	01/05/1997		
19	TA60019	19810310611	SV2022525	Nguyễn Thành	Đạt	07/06/1999		
20	TA60020	20810410009	SV2022526	Nguyễn Tiến	Đạt	05/10/2002		
21	TA60021	19810230024	SV2022527	Nguyễn Văn Thành	Đạt	30/10/2001		
22	TA60022	20810310001	SV2022528	Nguyễn Viết	Đạt	01/08/2002		
23	TA60023	19810310664	SV2022529	Phạm Văn	Đạt	10/08/2001		
24	TA60024	19810540133	SV2022530	Trần Tiến	Đạt	29/03/2001		
25	TA60025	20810430212	SV2022531	Hà Thế	Đức	03/02/2002		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Môn thi: Kỹ năng đọc

Phòng thi: A104

Ngày thi: 23/06/2024

Ca thi: 8h00-9h00

TT	SBD	Mã sinh viên	Mã đăng nhập	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
1	TA60026	19810420218	SV2032532	Lê Văn	Đức	25/08/2000		
2	TA60027	20810820063	SV2032533	Nguyễn Hùng	Đức	04/07/2002		
3	TA60028	19810430019	SV2032534	Phạm Hoàng Anh	Đức	20/09/2001		
4	TA60029	20810230065	SV2032535	Phùng Thị Thuý	Dung	07/07/2002		
5	TA60030	20810850015	SV2032536	Vũ Thị	Dung	15/09/2002		
6	TA60031	19810230016	SV2032537	Đoàn Tiến	Dũng	28/03/2001		
7	TA60032	19810420034	SV2032538	Nguyễn Mạnh	Dũng	22/04/2001		
8	TA60033	21810430479	SV2032539	Nguyễn Tấn	Dũng	04/01/2003		
9	TA60034	19810000350	SV2032540	Phạm Anh	Dũng	27/01/2001		
10	TA60035	19810310084	SV2032541	Vũ Mạnh	Dũng	25/03/2001		
11	TA60036	19810230050	SV2032542	Đặng Tùng	Dương	13/02/2001		
12	TA60037	20810310069	SV2032543	Đinh Tùng	Dương	17/03/2002		
13	TA60038	19810310619	SV2032544	Nguyễn Thái	Dương	16/11/2001		
14	TA60039	20810230102	SV2032545	Trần Đức	Duy	26/12/2002		
15	TA60040	20810810115	SV2032546	Đỗ Thị Thuý	Giang	06/04/2002		
16	TA60041	19810430035	SV2032547	Nguyễn Hoàng	Giang	03/12/2001		
17	TA60042	20810810060	SV2032548	Phạm Thu	Hà	25/12/2002		
18	TA60043	20819110107	SV2032549	Vũ Phương	Hà	27/06/2002		
19	TA60044	2283010096	SV2032550	Phạm Việt	Hải	01/08/1995		
20	TA60045	20810000471	SV2032551	Phạm Thu	Hằng	09/04/2002		
21	TA60046	21810830201	SV2032552	Trịnh Linh	Hằng	27/02/2003		
22	TA60047	20810830217	SV2032553	Nguyễn Thị	Hạnh	14/08/2002		
23	TA60048	20819110077	SV2032554	Nguyễn Văn	Hào	23/04/2002		
24	TA60049	20810820130	SV2032555	Vũ Thu	Hiền	27/06/2002		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)				Phòng thi: A107				
Môn thi: Kỹ năng đọc		Ca thi: 8h00-9h00			Ngày thi: 23/06/2024			
TT	SBD	Mã sinh viên	Mã đăng nhập	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
1	TA60050	20810430191	SV2042556	Khổng Minh	Hiệp	07/01/2002		
2	TA60051	ĐVTHS	SV2042557	Vì Lê	Hiệp	22/12/1995		
3	TA60052	20810710286	SV2042558	Hà Quang	Hiếu	02/05/2002		
4	TA60053	ĐVTHS	SV2042559	Nguyễn Chí	Hiếu	12/09/1998		
5	TA60054	20810320116	SV2042560	Phạm Trung	Hiếu	15/05/2002		
6	TA60055	21810810297	SV2042561	Bùi Thị	Hoài	20/10/2003		
7	TA60056	19810410212	SV2042562	Nguyễn Văn	Hoàng	15/11/2001		
8	TA60057	20819110080	SV2042563	Vũ Minh	Hoàng	27/07/2002		
9	TA60058	20819110082	SV2042564	Lê Ngọc	Hoành	08/01/2002		
10	TA60059	20810000166	SV2042565	Nguyễn Thu	Hồng	17/12/2002		
11	TA60060	20810230112	SV2042566	Vũ Minh	Huân	23/10/2002		
12	TA60061	20810710067	SV2042567	Ma Kiên	Huân	01/08/2002		
13	TA60062	21810830286	SV2042568	Ngô Thu	Huế	22/06/2003		
14	TA60063	20810850018	SV2042569	Phạm Nam	Hung	19/05/2002		
15	TA60064	19810810134	SV2042570	Bùi Thị Ngọc	Huyền	25/03/2001		
16	TA60065	20810000178	SV2042571	Nguyễn Thị	Huyền	12/12/2002		
17	TA60066	20810230126	SV2042572	Nguyễn Thị Thương	Huyền	10/02/2002		
18	TA60067	19810710024	SV2042573	Phạm Khánh	Huyền	11/09/2001		
19	TA60068	20810170322	SV2042574	Nguyễn Quang	Huỳnh	15/08/2002		
20	TA60069	20810230074	SV2042575	Đỗ Văn	Khang	05/12/2002		
21	TA60070	20810230151	SV2042576	Phạm Quốc	Khang	08/01/2002		
22	TA60071	20810620091	SV2042577	Nguyễn Khắc	Khánh	07/11/2002		
23	TA60072	20810710094	SV2042578	Tổng Nguyễn Quốc	Khánh	21/07/2002		
24	TA60073	20819120051	SV2042579	Trần Duy	Khánh	14/08/2002		
25	TA60074	21810410052	SV2042580	Nguyễn Duy	Khoa	04/10/2003		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Môn thi: Kỹ năng đọc

Phòng thi: A108

Ngày thi: 23/06/2024

Ca thi: 8h00-9h00

TT	SBD	Mã sinh viên	Mã đăng nhập	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
1	TA60075	19810310005	SV2052581	Lê Trung	Kiên	17/04/2001		
2	TA60076	20810230011	SV2052582	Nguyễn Trung	Kiên	18/11/2002		
3	TA60077	19810310003	SV2052583	Nguyễn Văn	Kiên	30/09/2001		
4	TA60078	20810110288	SV2052584	Đinh Tùng	Lâm	30/01/2002		
5	TA60079	20810110290	SV2052585	Nguyễn Văn	Lâm	14/10/2002		
6	TA60080	20810310371	SV2052586	Phùng Thị Phương	Lan	01/11/2001		
7	TA60081	20810820052	SV2052587	Đoàn Hương	Lệ	09/06/2002		
8	TA60082	20810810178	SV2052588	Nguyễn Phương	Linh	05/06/2002		
9	TA60083	19810810048	SV2052589	Nguyễn Thị	Linh	05/10/2001		
10	TA60084	20810710153	SV2052590	Nguyễn Thị Hải	Linh	08/10/2002		
11	TA60085	20810000504	SV2052591	Phạm Thị Khánh	Linh	15/08/2002		
12	TA60086	20810830232	SV2052592	Phan Uyên	Linh	08/03/2002		
13	TA60087	20810000490	SV2052593	Đỗ Thị Thanh	Loan	24/10/2002		
14	TA60088	20810310418	SV2052594	Nguyễn Sĩ	Lợi	26/06/2002		
15	TA60089	20810430347	SV2052595	Dương Văn	Long	12/08/2002		
16	TA60090	19810310054	SV2052596	Nguyễn Duy	Long	09/05/2001		
17	TA60091	20810340188	SV2052597	Nguyễn Thành	Long	15/01/2002		
18	TA60092	20810620013	SV2052598	Nguyễn Đức	Mạnh	16/05/2002		
19	TA60093	20810610017	SV2052599	Nguyễn Tiến	Mạnh	19/10/2002		
20	TA60094	20810310014	SV2052600	Nguyễn Văn	Mạnh	31/01/2002		
21	TA60095	20810000195	SV2052601	Phạm Tiến	Mạnh	30/09/2002		
22	TA60096	21810110299	SV2052602	Nguyễn Bình	Minh	19/11/2003		
23	TA60097	20819120007	SV2052603	Nguyễn Quang	Minh	09/07/2002		
24	TA60098	20810310042	SV2052604	Trần Hữu Châu	Minh	10/09/1997		
25	TA60099	20810710076	SV2052605	Ngô Thị	Nga	14/09/2002		
26	TA60100	20810820093	SV2052606	Lê Thị Kim	Ngân	20/01/2001		
27	TA60101	20810110280	SV2052607	Trần Đình	Nguyên	05/05/2002		
28	TA60102	20810420081	SV2052608	Nguyễn Linh	Nhi	28/08/2002		
29	TA60103	20810850049	SV2052609	Trần Linh	Nhi	26/08/2002		
30	TA60104	20810420014	SV2052610	Nguyễn Hùng	Phong	09/01/2002		
31	TA60105	20810000439	SV2052611	Đỗ Nguyên	Phương	17/10/2002		
32	TA60106	20810000510	SV2052612	Mai Thị	Phượng	09/03/2002		
33	TA60107	20810810134	SV2052613	Nguyễn Thị	Phượng	20/12/2024		
34	TA60108	20819120040	SV2052614	Trần Văn	Quân	05/11/2002		

Tổng số thí sinh theo danh sách:

Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: A105

Môn thi: Kỹ năng đọc

Ca thi: 8h00-9h00

Ngày thi: 23/06/2024

TT	SBD	Mã sinh viên	Mã đăng nhập	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
1	TA60109	2162010034	SV2062615	Đặng Minh	Quang	11/04/2000		
2	TA60110	20810510077	SV2062616	Phạm Minh	Quang	20/12/2002		
3	TA60111	19810430011	SV2062617	Trần Anh	Quốc	01/04/2001		
4	TA60112	21810230431	SV2062618	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	20/02/2003		
5	TA60113	20810820105	SV2062619	Phạm Thị	Quỳnh	15/02/2002		
6	TA60114	20810310433	SV2062620	Lê Hoàng	Sơn	28/02/2002		
7	TA60115	20810310389	SV2062621	Phạm Ngọc	Sơn	27/12/2024		
8	TA60116	20810110262	SV2062622	Nguyễn Văn	Thái	21/10/2002		
9	TA60117	20810720022	SV2062623	Hoàng Đức	Thắng	11/10/2001		
10	TA60118	20810820072	SV2062624	Nguyễn Đức	Thắng	20/12/2002		
11	TA60119	2162010038	SV2062625	Nguyễn Đức	Thắng	20/01/1985		
12	TA60120	20810000470	SV2062626	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	12/08/2002		
13	TA60121	20810170321	SV2062627	Đỗ An	Thuận	30/01/2002		
14	TA60122	20810810145	SV2062628	Đặng Thu	Thủy	28/12/2002		
15	TA60123	21710110035	SV2062629	Chu Mạnh	Tiến	17/12/2000		
16	TA60124	19810230008	SV2062630	Nguyễn Văn	Tiến	01/01/2001		
17	TA60125	20810430265	SV2062631	Hoàng Huy	Tới	18/03/2002		
18	TA60126	19810310075	SV2062632	Cao Thị Huyền	Trang	07/12/2001		
19	TA60127	21810830235	SV2062633	Dương Thị Thu	Trang	03/11/2003		
20	TA60128	20810810052	SV2062634	Lê Thu	Trang	30/05/2002		
21	TA60129	20810810046	SV2062635	Mỹ Thu	Trang	05/03/2002		
22	TA60130	20810850050	SV2062636	Nguyễn Thị Thu	Trang	26/05/2002		
23	TA60131	20810230048	SV2062637	Vũ Thị	Trang	22/11/2002		
24	TA60132	21810810177	SV2062638	Vũ Thị Hương	Trang	22/06/2003		
25	TA60133	20819110139	SV2062639	Vũ Văn	Trung	19/02/2002		
26	TA60134	19810310104	SV2062640	Lê Sơn	Trường	22/02/2001		
27	TA60135	21710110008	SV2062641	Nguyễn Quang	Trường	10/10/2000		
28	TA60136	20810170358	SV2062642	Phạm Anh	Tú	18/05/2002		
29	TA60137	2162010042	SV2062643	Nguyễn Anh	Tuấn	02/01/1998		
30	TA60138	19810310227	SV2062644	Phạm Anh	Tuấn	11/01/2001		
31	TA60139	20810820058	SV2062645	Trần Lê Anh	Tuấn	16/01/2002		
32	TA60140	20810850091	SV2062646	Khương Đức	Tùng	13/01/2002		
33	TA60141	20810830202	SV2062647	Phan Thanh	Tùng	06/09/2002		
34	TA60142	20810170305	SV2062648	Trần Công	Tuyền	21/01/2002		
35	TA60143	20810170348	SV2062649	Đỗ Quang	Ty	19/12/2001		
36	TA60144	ĐVTHS	SV2062650	Hoàng Quốc	Việt	27/04/1997		
37	TA60145	22810170292	SV2062651	Luyện Quang	Vinh	11/01/2004		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)